UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày 16 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: LÊ CÔNG PHÁI Ngày tháng năm sinh: 06/01/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức VHXH phụ trách lĩnh vực LĐTB-XH
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh
- Nơi thường trú: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninhtỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034074006521 .ngày cấp 29/12/2022 nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Diến Ngày tháng năm sinh: 16/02/1980
- Nghề nghiệp: Công Nhân
- Nơi làm việc[4]: Cụm công nghiệp Mỹ - Xuyên - xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034180007481ngày cấp 25/11/2024 nơi cấp Cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Lê Khánh Linh Ngày tháng năm sinh: 18/12/2012
- Nơi thường trú: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034312012079 ngày cấp 29/11/2024 nơi cấp Cục cảnh sát.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]: Không

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: .....
- Diện tích[9]: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: .....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Loại nhà[14]: Kiên cố
- Diện tích sử dụng [15]: .126 m^2
- Giá trị[10]: 450.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước,			

tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái Ninh, ngày..tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thạch Bình

Đông Thái Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Công Phái

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025[1]
(Ngày 25 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VŨ DUY LUY Ngày tháng năm sinh: 20/3/1972

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Phòng Văn hoá – xã hội xã

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh

- Nơi thường trú: thôn Tân lập – xã Đông Thái Ninh – tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034072006003 ngày cấp 19/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Duyên Ngày tháng năm sinh: 22/12/1975

- Nghề nghiệp: nông dân

- Nơi làm việc[4]: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Nơi thường trú: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034175015940 ngày cấp 01/9/2021, nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Duy An Ngày tháng năm sinh: 15/01/1998

- Nơi thường trú: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034098001221 ngày cấp 01/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Vũ Duy Khang Ngày tháng năm sinh: 31/01/2005

- Nơi thường trú: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034205009700 ngày cấp 28/09/2021, nơi cấp . Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]: Không

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích[9]: 720 m^2
- Giá trị[10]: 500.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Có
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ[8]: .....
- Diện tích[9]: …
- Giá trị[10]: ….
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Có
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà ở

- Địa chỉ: thôn Tân Lập, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Loại nhà[14]: Cấp 4
- Diện tích sử dụng [15]: 60 m^2
- Giá trị[10]: 500.000.000 đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị [10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Quyền

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá			

trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Thái Đô, ngày20 tháng12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày 26 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Phạm Thùy Trang** Ngày tháng năm sinh: 11/6/1991

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức phòng Kinh tế xã

- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Nơi thường trú: xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 079191001476 ngày cấp 31/3/2022 ; nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đoàn Đắc Dương Ngày tháng năm sinh: 15/10/1980

- Nghề nghiệp: Làm tự do

- Nơi làm việc[4]: Xuất khẩu lao động tại đất nước Ănggola

- Nơi thường trú: xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034080004011; ngày cấp14/8/2021 ; nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đoàn Trúc Vy. Ngày tháng năm sinh: 22/7/2013

- Nơi thường trú: xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Đoàn Xuân Khôi; Ngày tháng năm sinh: 04/12/2019

- Nơi thường trú: xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:034219012773 ngày cấp..... nơi cấp .....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình hiện nay là xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

- Diện tích[9]: 165,3 m^2

- Giá trị[10]: giá trị ước tính 500.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số CK 821797 mang tên Đoàn Đắc Dương và Phạm Thùy Trang.

- Thông tin khác (nếu có)[12]: Nhận tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của bố, mẹ chồng, thửa đất số 317 tờ 16 xã Dương Phúc (Thụy Dương cũ)

1.1.2. Thửa thứ 2

- Địa chỉ[8]: Ấp Cây Thông, Cửa Dương, Phú Quốc

- Diện tích[9]: 159,2 m^2

- Giá trị[10]: 200.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số CK 434580; số vào sổ CS 68135 cấp ngày 29/9/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp.

1.1.3. Thửa thứ 3

- Địa chỉ[8]: Phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk hiện nay là phường Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk.

- Diện tích[9]: 194,0 m^2

- Giá trị[10]: 800.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số CV 662929; số vào sổ CS 04958 cấp ngày 17/9/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Lăk cấp.

1.1.4. Thửa thứ 4

- Địa chỉ[8]: xã Đăk Buc So, huyện Đăk RLâp, tỉnh Đăk Lăk

- Diện tích[9]: 4680,0 m^2

- Giá trị[10]: 600.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số 006093; ; cấp ngày 30/9/2002 do Ủy ban nhân dân huyên Đăk RLấp cấp.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: LUC (lúa) Địa chỉ: xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- Diện tích: 300,0 m^2

- Giá trị[10]: Không xác định được giá trị do không chuyển nhượng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà ở

- Địa chỉ: thôn Đông, xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình hiện nay là xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

- Loại nhà[14]: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng [15]: 70,0 m^2

- Giá trị[10]: ước tính 450.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): ngôi nhà nằm trên diện tích thửa đất số 317 tờ 16 xã Dương Phúc (Thụy Dương cũ) nay là xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình; Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị [10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: *100.000.000* đồng
- Tổng thu nhập của chồng: *290.000.000* đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].		+290.000.000 đồng (sau khi đã trừ đi khoản phí sinh hoạt đời sống)	- Thu nhập từ lương và khoản phụ cấp của vợ 100.000.000 đồng - Thu nhập từ khoản tiền lương của chồng: 290.000.000 đồng.

..... ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thái Bình

..... ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thuý Trang

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM[1]
(Ngày26 tháng 01năm2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:Đỗ Văn Viễn Ngày tháng năm sinh: 01/01/1980

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức BVH- XH

- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã ĐôngThái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Lương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034080001819 ngày cấp29/4/2021 nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:Tạ Thị Tuyến: Ngày tháng năm sinh: 12/01/1982

- Nghề nghiệp: Giáo Viên

- Nơi làm việc[4]: Trường TH xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Lương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:034182002044 ngày cấp 07/9/2021 nơi cấp Cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:Đỗ Hà Vy: Ngày tháng năm sinh: 14/8/2010

- Nơi thường trú: Thôn Thanh Lương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034310006339 ngày cấp22/9/2024 nơi cấp Cục cảnh sát

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Đỗ Hà Chi : Ngày tháng năm sinh: 02/6/2018

- Nơi thường trú : Thôn Thanh Lương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công : 03438002652 cấp ngày 07/10/2024 Nơi cấp : Cục cảnh sát

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]:Thôn Thanh Lương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích[9]: 135 m2
- Giá trị[10]: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]:
- Thông tin khác (nếu có)[12]:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị[10]:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Thanh Lương , xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà[14]: Nhà kiên cố
- Diện tích sử dụng [15]: 102m2
- Giá trị[10]: 950,000,000 (chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị [10]:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị[10]:

- Loại cây: Số lượng Giá trị[10]:

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị[10]:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị[10]:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị[10]:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị[10]:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị: .

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị: .

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu:. Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			

3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái NinhNgày26 .tháng 01 năm2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thạc Bắc

Đông Thái Ninh ngày26 tháng01 năm2026
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG THÁI NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025[1]

(Ngày 20 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH -Ngày tháng năm sinh: 06/9/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó CHT Ban CHQS xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034075002183; Ngày cấp: 29/4/2021; Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: BÙI THỊ BÌNH - Ngày tháng năm sinh: 01/01/1981
- Nghề nghiệp: CN may ví da: TNHH YOUTHER Việt Nam
- Nơi làm việc[4]: xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034181005585; Ngày cấp: 31/12/2021; Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN TIẾN LONG - Ngày tháng năm sinh: 01/6/2004
- Nơi thường trú: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034204007777; Ngày cấp: 29/4/2021; Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: NGUYỄN BÙI THANH THẢO - Ngày tháng năm sinh: 08/9/2009
- Nơi thường trú: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034309006406; Ngày cấp: 09/4/2024; Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất: Nhất

- Địa chỉ[8]: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích[9]: 100m2
- Giá trị[10]: 1,2 tỷ VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: .....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Vườn thừa - Địa chỉ: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích: 155 m2
- Giá trị[10]: 100 triệu VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhất

- Địa chỉ: thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà[14]: Mái Bằng (bê tông kiên cố)
- Diện tích sử dụng [15]: 85m2
- Giá trị[10]: 500 triệu VNĐ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			

6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thanh Bình

Đông Thái Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM[1]
(Ngày 20 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:Nguyễn Thị Dung. Ngày tháng năm sinh: 20/01/1986
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh.
- Nơi thường trú: Thôn Tử Các, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034186001676, ngày cấp: 09/01/2026, nơi cấp : Bộ Công An

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc[4]: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]: Nhà cấp 4

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: Thôn Tử Các, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.

- Diện tích[9]: 572,1 m2

- Giá trị[10]: 300.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]:Bà: Nguyễn Thị Dung, CV527591, cấp ngày 08/06/2020.

- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị[10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....

- Loại nhà[14]: .....

- Diện tích sử dụng [15]: .....

- Giá trị[10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
.....

- Loại công trình:..... Cấp công trình:
.....

- Diện tích:
.....

- Giá trị [10]:
.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
.....

- Thông tin khác (nếu có):
.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]:
.....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]:
.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....*

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước,			

tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

..... ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thạch Bình

..... ngày 20 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU[1]
(Ngày 22 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên: Hồ Trọng Hiền; Ngày tháng năm sinh: 19/05/*1973*
- Chức vụ/chức danh công tác: Chuyên viên
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng Văn hóa – Xã hội
- Nơi thường trú: Thôn Đồng Xuân xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034073026535; ngày cấp: 28/08/2021; nơi cấp : Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
- Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh; Ngày tháng năm sinh: 29/05/1973
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc[4]: Trường Tiểu học Thụy Xuân, xã Đông Thụy Anh
- Nơi thường trú: Thôn Đồng Xuân, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 0341730208840; ngày cấp: 25/11/2024; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:
- Họ và tên: Hồ Trọng Duy Anh; Ngày tháng năm sinh: 05/05/1998
- Nơi thường trú: Phường Kênh Dương; Quận Lê Chân; Thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034098008614; ngày cấp 16/9/2021; nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai : Hồ Trọng Thành Vinh; Ngày tháng năm sinh: 05/05/1998

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:
- Địa chỉ[8]: Thôn Đồng Xuân, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích[9]: 600m^2
- Giá trị tại thời điểm kê khai: 1,8 tỷ đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Chưa cấp giấy
- Thông tin khác (nếu có)[12]:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): (Không có)Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không có

- Loại đất:..... Địa chỉ:
.....
- Diện tích:
.....
- Giá trị[10]:
.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
.....
- Thông tin khác (nếu có):
.....
1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.
2. Nhà ở, công trình xây dựng:
2.1. Nhà ở:
2.1.1. Nhà thứ nhất: Được xây dựng từ năm 2014
- Địa chỉ: Thôn Đồng Xuân-Xã Đông Thái Ninh-Tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà[14]: Mái bằng, 2 tầng
- Diện tích sử dụng [15]: 80m^2
- Giá trị[10]: Tại thời điểm xây dựng 400.000.000^đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có
- Thông tin khác (nếu có):
.....
2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): (Không có)Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
2.2. Công trình xây dựng khác[16]:
2.2.1. Công trình thứ nhất:
- Tên công trình:..... Địa chỉ:
.....
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
.....
- Diện tích:
.....
- Giá trị [10]:
.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
.....
- Thông tin khác (nếu có):
.....
2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:
3.1. Cây lâu năm[18]:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....

3.2. Rừng sản xuất[19]:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]:
.....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]:
.....
3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:.
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]:
.....
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
6.1. Cổ phiếu:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....
6.2. Trái phiếu:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....
6.3. Vốn góp[22]:
- Hình thức góp vốn:..... Giá
trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá
trị:.....
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:
- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá
trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá
trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:
- Tên tài sản: Ô tô
- Tên tài sản: Ô tô Kia Moning; Số đăng ký: 17A-11671;
Giá trị tại thời điểm mua: 350.000.000đ(*Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:
- Tên tài sản:
- Tên tài sản:
Tài sản ở nước ngoài[26].
9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:
- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:
- Tổng thu nhập của người kê khai:
105.720.000đ/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):216.000.000đ/năm
.....
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
.....
- Tổng các khoản thu nhập chung: 321.720.000đ/năm *(Ba trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)*

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): không có tăng thêm*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái Ninh, ngày Tháng năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thế Bình

Đông Thái Ninh, ngày 22 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ Trọng Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...[1]
(Ngày 17 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ HẠNH**:Ngày tháng năm sinh: 10/09/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn phòng HĐND- UBND
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034187010644 ngày cấp 13/09/2024 nơi cấp Bộ công an

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYÊN NGỌC THÂN** Ngày tháng năm sinh: 1980
- Nghề nghiệp: Làm ruộng
- Nơi làm việc[4]: Xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034080021435 ngày cấp 25/10/2022 nơi cấp cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: **NGUYỄN NGỌC MINH ANH**

- Họ và tên Ngày 04 tháng 04 năm sinh 2008:
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034308009542..... ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): **NGUYỄN VIỆT ANH**

- Họ và tên Ngày 02 tháng 05 năm sinh 2019:
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]:
- Diện tích[9]: ….m^2
- Giá trị[10]: ……. đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: .....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ:.....
- Loại nhà[14]: .....
- Diện tích sử dụng [15]: ….. m^2
- Giá trị[10]: …… đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]:.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:.....Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... ..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:153.500.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 93.500.000. đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này)*: .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức			

trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông ThaiNinh ngày 26 tháng 01 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Nguyễn Thọ Bắc

Đông Thái Ninh ngày 17 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Đỗ Thị Hạnh

UBND XÃ ĐÔNG THÁI NINH
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 26 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Thắng**. Ngày tháng năm sinh: 12/5/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Phòng Kinh tế
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân số: 034079021955 ngày cấp 17/8/2021 nơi cấp Cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: Hà Thị Giang Ngày tháng năm sinh: 14/11/1981.
- Nghề nghiệp: Viên chức.
- Nơi làm việc: Trường mầm non Đông Trà, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Căn cước công dân số: 034181006574, ngày cấp 23/8/2017, nơi cấp Cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Anh. Ngày tháng năm sinh: 20/8/2007.
- Nơi thường trú: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai.

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Châu. Ngày tháng năm sinh: 22/8/2014.
- Nơi thường trú: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.3. Con thứ ba.

- Họ và tên: Nguyễn Đức Thành. Ngày tháng năm sinh: 22/5/2019.
- Nơi thường trú: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích: 186,0 m^2
- Giá trị: 428.810.000 đ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Chưa được cấp.
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng lúa. Địa chỉ: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích: 620.3 m^2.
- Giá trị: 46.522.500 đ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Chưa được cấp.
- Thông tin khác (nếu có):

.....
.....

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Định Cư Tây, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà: Cấp IV; b2; Kết cấu: Tường xây gạch chỉ mái bê tông cốt thép.
- Diện tích sử dụng : 175,0 m^2.
- Giá trị: 660.000.000 đồng.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không.
- Thông tin khác (nếu có): .....

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây: Mít Số lượng: 01 Giá trị: 200.000 đ.
- Loại cây: Hồng Xiêm Số lượng: 01 Giá trị: 200.000 đ.
- Loại cây: Lộc vừng Số lượng: 01 Giá trị: 300.000 đ.

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản: Mô tô; Số đăng ký: 17AA 93888 Giá trị: 100.000.000 đ.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 132.000.000 đ.
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 115.000.000 đ.
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: 247.000.000 đ.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu,vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32]			

Đông Thái Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Chủ tịch BT

Đông Thái Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Xuân Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
ĐÔNG THÁI NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU[1]
(Ngày 19 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Xuân Thái - Ngày tháng năm sinh: 03/11/1973
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức – Phòng kinh tế
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Thái Học – Xã Đông Thái Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034073007381, ngày cấp 10/02/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Hoàng Thị Huế, Ngày tháng năm sinh: 19/10/1976
- Nghề nghiệp: Lao Động tự do
- Nơi làm việc[4]: Thôn Thái Học, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Thái Học, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034176007520. ngày cấp; 02/01/2025, nơi cấp; Bộ Công an

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp ..

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: Thôn Thái Học, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích[9]: 433 m^2
- Giá trị[10]: 800.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số BQ 703676
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2: Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ[8]: xã Tiến Hưng, Đồng Xoài, Bình Phước (cũ)
- Diện tích[9]: 224.9 m^2
- Giá trị[10]: 2.100.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: số CR 356
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.3. Thửa thứ 3: Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ[8]: Thôn Nam Thái Đô, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích[9]: 120 m^2
- Giá trị[10]: 9.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]:
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: LUC Địa chỉ: Đồng Nam Biên Đông, Thôn Thái Học
- Diện tích: 3129 m^2
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Loại đất: Mạ, Địa chỉ: Đồng sau ông Thu, Thôn Thái Học
- Diện tích: 160 m^2
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.3. Thửa thứ 3: Kê khai tương tự như thửa thứ ba.

- Loại đất: BHK Địa chỉ: Đồng sau bà Tuất, Thôn Thái Học

- Diện tích: 208 m^2

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Thái Học, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Loại nhà(14): Cấp 4

- Diện tích sử dụng (15): 124 m^2

- Giá trị(10): 700.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

6.3. Vốn góp(22):

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)(24):

- Tên tài sản: Ô tô con; Số đăng ký: 17A 756.661 Giá trị: 115.000.000 đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)(25):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .

8. Tài sản ở nước ngoài(26).

9. Tài khoản ở nước ngoài(27):

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28):

- Tổng thu nhập của người kê khai: 10. 000.000 đồng/tháng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 2.500.000 đồng/tháng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: 12.500.000 đông/tháng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng [30]/giảm [31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	7.1 ô tô con	115.000.000	Tích cóp tài chính trong nhiều năm của gia đình

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

..... ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thế Bắc

..... ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Xuân Thái

UBND XÃ ĐÔNG THÁI NINH **PHÒNG KINH TẾ** --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU

(Ngày 21 tháng 11 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Ngọc Chinh Ngày, tháng, năm sinh: 20/10/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức phòng Kinh tế
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Thùy Dương, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số CCCD: 034079023001 Ngày cấp 17/9/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Huế Ngày, tháng, năm sinh: 11/01/1980
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc : Trường THCS Thái Nguyên
- Nơi thường trú: Thôn Thùy Dương, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số CCCD: 034180005388 Ngày cấp: 21/9/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Ngọc Hiếu Ngày, tháng, năm sinh: 09/11/2007
- Nơi thường trú: Thôn Thùy Dương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số CCCD : 034207008176 cấp ngày 16/3/2022 Nơi cấp : Cục cảnh sát

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Vũ Quang Vinh Ngày, tháng, năm sinh: 04/5/2011
- Nơi thường trú: Thôn Thùy Dương, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số CC : 034211009820 cấp ngày 07/8/2025 Nơi cấp : Bộ công an

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: .....
- Diện tích[9]:..... m2
- Giá trị[10]: ..... đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: .....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà[14]: .....
- Diện tích sử dụng [15]: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị [10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [3]/giảm [4]		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng khác: 2.1. Nhà ở			

2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài			

sản khác...). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai		276.000.000	Tiền lương cán bộ, công chức của vợ, chồng - Lương của chồng: 120.00.000 đồng. - Lương của vợ: 156.000.000 đồng.

……, ngày 26 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI TIẾP NHẬN BẢN KÊ KHAI

Nguyễn Thị Bích

……, ngày 21 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Lưu Ngọc Chung

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM[1]
(Ngày 18 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TẠ NGỌC SƠN, Ngày, tháng, năm sinh: 12/09/1978
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức phòng Kinh tế (phụ trách Nông nghiệp)
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh
- Nơi thường trú: Nam Duyên, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): 034078006321, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUẤN NGỌC; Ngày tháng năm sinh: 13/01/1981
- Nghề nghiệp: Lao động tự do
- Nơi làm việc(4): Nam Duyên, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Nam Duyên, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034181006509, ngày cấp 28/09/2021, nơi cấp Cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: TẠ THẢO VY; Ngày tháng năm sinh: 24/5/2008
- Nơi thường trú: Nam Duyên, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034308004874 ngày cấp . 25/10/2025 nơi cấp: Cục cảnh sát

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: ……..; Ngày tháng năm sinh: ……

- Nơi thường trú: ……

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp ..... nơi cấp .....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]: Thôn Lũng Tả, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Diện tích[9]: 150, m^2

- Giá trị[10]: 1.500.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: Số CH 02307

- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị[10]: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: ……

- Loại nhà[14]: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng [15]: ……

- Giá trị[10]: ……

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số ……

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 10.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 10.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: 20.000.000 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp			

giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

..... ngày 26 tháng 01 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thế Bình

..... ngày 18 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tạ Ngọc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...[1]
(Ngày 17 tháng 12 năm 2025)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ HẠNH**:Ngày tháng năm sinh: 10/09/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn phòng HĐND- UBND
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034187010644 ngày cấp 13/09/2024 nơi cấp Bộ công an

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYÊN NGỌC THÂN** Ngày tháng năm sinh: 1980
- Nghề nghiệp: Làm ruộng
- Nơi làm việc[4]: Xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 034080021435 ngày cấp 25/10/2022 nơi cấp cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: **NGUYỄN NGỌC MINH ANH**

- Họ và tên Ngày 04 tháng 04 năm sinh 2008:
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034308009542..... ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): **NGUYỄN VIỆT ANH**

- Họ và tên Ngày 02 tháng 05 năm sinh 2019:
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên , xã Đông Thái Ninh , tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ[8]:
- Diện tích[9]: ….m^2
- Giá trị[10]: ……. đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]: .....
- Thông tin khác (nếu có)[12]: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ:.....
- Loại nhà[14]: .....
- Diện tích sử dụng [15]: ….. m^2
- Giá trị[10]: ……. đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]:.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:.....Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... ..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:153.500.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 93.500.000. đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):* .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức			

trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông ThaiNinh ngày 26 tháng 01 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Nguyễn Thanh Bình

Đông Thái Ninh ngày 17 tháng 12 năm 2026
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Đỗ Thị Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG THÁI NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ(1)
(Ngày 20 tháng 3 năm 2026)(2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM VĂN NAM**; Ngày tháng năm sinh: 27/07/1976

- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Phòng Văn hóa – Xã hội

- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Nơi thường trú: Thôn Chỉ Thiện, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): 034076009946 ngày cấp: 06/9/2021; nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thị Duyên; Ngày tháng năm sinh: 24/09/1981

- Nghề nghiệp: Lao động tự do

- Nơi thường trú: Thôn Chỉ Thiện, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034071003671; ngày cấp: 19/12/2021; nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Lê Bình: Ngày tháng năm sinh: 12/07/2005

- Nơi thường trú: Thôn Chỉ Thiện, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034304008473; ngày cấp: 07/5/2019; nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN(5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(6):

1.1. Đất ở(7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ(8): .....

- Diện tích(9): .....

- Giá trị(10): .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): .....

- Thông tin khác (nếu có)(12): .....

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Chỉ Thiện, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà[14]: Riêng lẻ (mái bằng)
- Diện tích sử dụng [15]: 2 tầng = 100 m^2
- Giá trị[10]: 400.000.000 đồng (tại thời điểm xây dựng năm 2010)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Lưu Thị Nõn
- Thông tin khác (nếu có): Ở chung cùng với Mẹ đẻ

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26].

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 108.000.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của vợ: 96.000.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: 204.000.000 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này)*: .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các			

loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Đông Thái Ninh ngày 20 tháng 3 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Thái Bình

Đông Thái Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Nam